



Số: 10/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nga Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

Thực trạng phát triển kinh tế trang trại, định hướng và các giải pháp phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện thời gian tới

Thực hiện Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND huyện Nga Sơn về việc ban hành Phương án Chuyển đổi đất lúa, đất lúa màu, đất màu và đất cói sản xuất hiệu quả thấp sang trồng cây khác, kết hợp nuôi trồng thủy sản và phát triển kinh tế gia trại, trang trại có hiệu quả trên địa bàn huyện Nga Sơn giai đoạn 2016-2020.

Thời gian qua, trên địa bàn huyện dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở và nỗ lực của nhân dân đã phát huy tối đa các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế trang trại; thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, áp dụng khoa học công nghệ, thu hút đầu tư phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp, nông thôn. Tạo xu hướng sản xuất hàng hóa, sản phẩm chất lượng cao, giá trị lớn, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, tài nguyên đất đai, kết quả cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN

1. Công tác tổ chức triển khai.

Các xã trong huyện đã xây dựng qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế trang trại. Tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi đất lúa, đất lúa màu, đất màu và đất cói sản xuất hiệu quả thấp; các vùng đất xa, đất xấu, đất gò bãi, chân ruộng sâu trũng, đất ven sông, ven biển,... trước đây chưa khai thác hết, hoặc đã khai thác nhưng kém hiệu quả kinh tế thành vùng, cụm sản xuất phù hợp với lợi thế đất đai, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích.

Tận dụng có hiệu quả các cơ chế chính sách phát triển kinh tế của tỉnh, của huyện trên địa bàn; bên cạnh đó các xã xây dựng cơ chế hỗ trợ riêng như: Hỗ trợ cơ sở hạ tầng hệ thống điện, đường giao thông, hệ thống tưới tiêu,... đảm bảo nhu cầu cho sản xuất. Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu cây trồng vật nuôi và các con nuôi thủy sản, đồng thời kết nối cung cầu trong tiêu thụ sản phẩm.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các trang trại chăn nuôi trong chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và phòng chống dịch bệnh,...

2. Kết quả đạt được.

Đến nay, toàn huyện có 997 trang trại với diện tích canh tác là 1.056,44 ha. Bình quân mỗi trang trại có diện tích 1,059 ha. Tạo việc làm cho 3.319 lao động; bình quân mỗi lao động có 0,318 ha canh tác, thu nhập bình quân lao động từ 3-5 triệu đồng/tháng.

- Về cơ cấu các trang trại toàn huyện hiện nay có: 77 trang trại chăn nuôi lợn, chăn nuôi gà công nghiệp; 280 trang trại trồng trọt, nuôi trồng thủy sản; 640 trang trại chăn nuôi tổng hợp và gia trại. Một số xã có số lượng trang trại nhiều như: Nga Thạch 244 trang trại, Nga Tân 173, Nga Thiện 118, Nga Tiến 78, Nga Thủy 49. Các xã Nga Thủy, Nga An, Nga Lĩnh, Nga Nhân, Nga Trung qui hoạch cụm chăn nuôi lợn; Nga Bạch cụm chăn nuôi gà công nghiệp.

Trang trại chăn nuôi lợn, gà công nghiệp gia công cho các công ty có mức thu nhập ổn định hiệu quả từ 150- 400 triệu đồng/trang trại; loại hình trang trại thủy sản và trang trại tổng hợp trồng cây ăn quả, chăn nuôi lợn, gà thu 150-300 triệu đồng/ha/năm. Một số trang trại tiêu biểu trong sản xuất có giá trị thu nhập khá như: Trang trại ông Khải xã Nga Thủy thu nhập 400 triệu/ha/năm, ông Tới xã Nga Bạch chăn nuôi lợn thu nhập hàng năm 300-400 triệu đồng, ông Tiến xã Nga Thanh nuôi tôm thẻ trên đất xã Nga Thủy có giá trị thu nhập 320 triệu đồng/ha/năm; ông Công xã Nga Trung sản xuất tổng hợp trồng cây ăn quả + nuôi ong mật+ nuôi gà thả vườn thu nhập 300-400 triệu đồng/năm; ông Hào ở xã Nga Thành trồng rau màu ngắn ngày + cây ăn quả có mức thu nhập 250-300 triệu đồng/năm,...

- Phát triển kinh tế trang trại đã khơi dậy tiềm năng về lao động, đất đai, vốn, kỹ thuật ở từng địa phương, trong mỗi hộ nông dân để tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa dồi dào, đa dạng, hiệu quả kinh tế cao. Theo đó, kinh tế trang trại là một loại hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Phát huy tiềm lực, lợi thế của đất đai ở vùng xa, trũng, xấu, có nơi còn để hoang hóa, hoặc sản xuất kém hiệu quả, được tổ chức lại đưa vào sản xuất. Tạo động lực cho quá trình tập trung và tích tụ ruộng đất, vốn, đồng thời thực hiện quá trình cơ giới hóa, áp dụng những tiến bộ, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp-nông thôn, từng bước tạo ra vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Kinh tế trang trại là mô hình sản xuất hướng cho

cho hộ nông dân vươn tới sản xuất hàng hóa gắn với thị trường. Thúc đẩy quá trình phát triển nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn.

- Thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh, tăng thêm được việc làm cho lao động nông thôn, góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập, nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

Kinh tế trang trại phát triển ở một số nơi đã kéo theo việc phát triển công nghiệp chế biến ở nông thôn và đã tạo điều kiện tiền đề cho việc phát triển kinh tế hợp tác, liên kết giữa các thành phần kinh tế.

3. Những khó khăn, tồn tại.

Thời gian qua các mô hình trang trại và kinh tế trang trại hình thành và phát triển, đã tác động tích cực đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Điều đó khẳng định chủ trương phát triển kinh tế trang trại là một trong những giải pháp đúng, mang tính quy luật và phù hợp. Tuy vậy, thực tiễn vẫn còn nảy sinh khá nhiều bất cập cần phải tiếp tục nghiên cứu và điều chỉnh, cụ thể là:

- Công tác quản lý và sử dụng đất đai: Sau khi Luật đất đai năm 2013 và sửa đổi năm 2014, đất đai được quản lý và khai thác sử dụng theo quy hoạch nên việc sử dụng đạt hiệu quả cao hơn. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất, ở một số nơi vẫn còn tình trạng các chủ trang trại lấn chiếm đất, vi phạm hành lang giao thông, kênh mương thủy lợi, hạ thấp mặt bằng làm thay đổi hiện trạng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, dùng đất trang trại làm nhà ở,... Một số chủ trang trại không muốn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận trang trại vì các tiêu chí của giấy chứng nhận này nói chung không gắn với sự ràng buộc về lợi ích và trách nhiệm của họ.

- Sự buông lỏng quản lý của một số chính quyền cơ sở: Trong quá trình sử dụng đất, một số nơi diễn ra tình trạng bán đất trái thẩm quyền, chuyển nhượng đất ở không đúng quy trình theo luật. Tồn tại phổ biến tình trạng chuyển nhượng đất qua UBND xã ký xác nhận hoặc hai bên mua bán tự làm giấy biên nhận cho nhau. Gây nên trở ngại lớn khi có nhu cầu thu hồi, giải phóng mặt bằng để cấp đất cho các dự án xây dựng và quy hoạch khu dân cư. Không ít trường hợp dẫn đến tình trạng khiếu kiện, gây mất ổn định ở nông thôn.

- Bất cập trong hoạt động của các chủ trang trại: Vốn và tài chính đầu tư cho sản xuất kinh doanh chủ yếu là vốn tự có của chủ trang trại, vốn vay của ngân hàng gặp khó khăn. Trong khi đó, chủ trang trại phải bỏ vốn đầu tư kết cấu hạ tầng ban đầu quá lớn, nên nhu cầu về vốn để mở rộng phát triển sản xuất luôn

là áp lực lớn cho các chủ trang trại. Việc chuyển giao khoa học, kỹ thuật và năng lực của một số chủ trang trại còn nhiều yếu kém. Các chủ trang trại tiếp thu khoa học, kỹ thuật chủ yếu từ việc thụ động học kinh nghiệm lẫn nhau chưa được tham gia các chương trình tập huấn. Do khả năng tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật kém nên nhiều trang trại hiệu quả đạt thấp hoặc chưa tương xứng với tiềm năng.

- Bất cập trong quy hoạch: việc quy hoạch các vùng trang trại tập trung xa khu dân cư là đúng, nhưng rất khó thực hiện vì nhiều lý do như: đầu tư hạ tầng về đường giao thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống điện phục vụ cho khu quy hoạch trang trại tập trung,... thì bản thân các chủ trang trại chưa có đủ điều kiện về kinh phí để đầu tư, ngân sách của địa phương cũng khó có điều kiện đáp ứng ngay.

- Bất cập về thị trường tiêu thụ sản phẩm: Thị trường không ổn định, mối liên hệ giữa sản xuất, quảng bá và xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, đầu ra của sản phẩm chưa thật sự tạo được sự tin cậy. Chủ yếu các chủ trang trại tự tìm đầu ra tiêu thụ sản phẩm, đa số trang trại tiêu thụ tại địa bàn trong huyện, nên khó khăn, rủi ro và bị mua bán ép giá khá phổ biến. Vai trò của chính quyền hoặc hiệp hội dịch vụ trong lĩnh vực này chưa rõ ràng, do chưa có sự quản lý chung hoặc vai trò điều phối mang tính hệ thống, nên sản phẩm sản xuất ra hầu hết chưa đảm bảo chất lượng.

4. Nguyên nhân của những khó khăn, tồn tại.

- Một số bộ phận cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân chưa nắm bắt đầy đủ ý nghĩa của việc xây dựng trang trại và phát triển kinh tế trang trại.

- Công tác lãnh chỉ đạo của các cấp, các ngành chưa thực sự vào cuộc. Đã để cho các đơn vị, nhân dân xây dựng, bố trí theo ý chủ quan không có tính khoa học.

- Công tác qui hoạch vùng xây dựng trang trại chưa tập trung, mà để phát triển manh mún nhỏ lẻ dẫn tới các trang trại đi vào hoạt động hiệu quả không cao.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát, phổ biến việc xây dựng phát triển kinh tế trang trại đã để nhiều hộ nông dân tự ý xây dựng trái phép dẫn tới khi xử lý gặp khó khăn và ảnh hưởng đến kinh tế của chủ trang trại.

- Kiến thức về tổ chức quản lý, kỹ thuật sản xuất, thị trường của chủ trang trại còn yếu kém. Việc tổ chức mở các lớp huấn luyện, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho chủ trang trại chưa được các cấp, các ngành quan

tâm. Chưa tổ chức cho các hộ đi thăm quan học tập kinh nghiệm ở những nơi sản xuất có hiệu quả cao.

- Hệ thống cơ chế chính sách về phát triển kinh tế trang trại chưa được thực hiện đồng bộ hoặc chưa có cơ chế chính sách phù hợp. Nguồn vốn phục vụ cho việc phát triển kinh tế trang trại chủ yếu là vốn tự có của hộ nên vốn ít, nguồn vốn vay qua các ngân hàng và các tổ chức tín dụng còn hạn chế, khó khăn; kinh phí hỗ trợ đầu tư chưa được chú trọng, đáp ứng không kịp thời,...

Quyết đất sau dồn đổi chưa đủ lớn đảm bảo điều kiện cho hộ nông dân tổ chức sản xuất với qui mô lớn, vượt trội đảm bảo theo tiêu chí.

II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Mục tiêu phát triển trang trại.

Tiếp tục phát huy và đẩy mạnh phát triển sản xuất của các trang trại đảm bảo tiêu chí theo Thông tư 27/2011/TTBNN-PTNT, ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp&PTNT. Phấn đấu đến năm 2020 toàn huyện có 120 trang trại đạt tiêu chí trang trại chăn nuôi tập trung, 270 trang trại đạt 1 trong 2 tiêu chí theo Thông tư 27/2011/TTBNN- PTNT, các trang trại hoạt động ổn định có hiệu quả.

- Tổng giá trị sản xuất trang trại đạt 250 tỷ đồng;

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho 3.500 lao động;

2. Những giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế trang trại.

2.1 Về đất đai, qui hoạch và phát triển trang trại.

Khuyến khích các hộ gia đình tiếp tục dồn đổi đất, chuyển nhượng, tích tụ ruộng đất đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh giải quyết nhanh các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận, giao quyền sử dụng đất lâu dài cho các trang trại đảm bảo đủ tiêu chí để chủ trang trại yên tâm đầu tư phát triển kinh tế trang trại.

Để đảm bảo xây dựng trang trại theo đúng tiêu chí hướng dẫn của thông tư cần bám sát công tác qui hoạch nông thôn mới. Bố trí khu vực phát triển trang trại đảm bảo về vệ sinh môi trường, đối tượng sản xuất mang tính đặc trưng của vùng, tập quán sản xuất của địa phương. Phát triển trang trại theo hướng tập trung, chuyên canh tạo thế mạnh về sản phẩm hàng hóa với qui mô ngày càng lớn gắn với thị trường tiêu thụ, không ngừng nâng cao thu nhập cho hộ nông dân.

Đầu tư xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hệ thống điện bằng các nguồn vốn như: huy động đóng góp của nhân dân, nguồn vốn từ ngân sách địa phương, ngân sách huyện, tỉnh hoặc nguồn vốn từ các tổ chức khác, gắn liền

với vùng qui hoạch xây dựng trang trại. Đảm bảo khi các trang trại đi vào hoạt động đáp ứng được các yêu cầu sản xuất.

2.2 Về vốn, tín dụng.

Thực hiện Nghị định 116/2018/NĐ-CP, ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn. Cần linh hoạt, giảm nhẹ các thủ tục trong cho vay vốn, điều chỉnh giá thuê đất qui định hợp lý.

Vận dụng các Chính sách hỗ trợ của tỉnh như: Đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào trang trại, hỗ trợ xây dựng nhà màng, nhà lưới sản xuất rau an toàn, hỗ trợ xây dựng nhà màng, nhà lưới trong nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ chăn nuôi nông hộ...

Khuyến khích các tổ chức, thành phần kinh tế trong và ngoài huyện đầu tư, liên kết phát triển kinh tế trang trại tạo tiền đề để các hộ nông dân tiếp cận cách thức tổ chức sản xuất theo khoa học kỹ thuật, áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất mang tính chuyên nghiệp.

2.3 Về thị trường.

Qui hoạch các chợ nông thôn, phát triển doanh nghiệp, tổ hợp, hợp tác xã chế biến và dịch vụ thương mại ở các vùng tập trung; tổ chức việc cung cấp thông tin thị trường, giúp các chủ trang trại tiếp cận với thị trường. Khuyến khích các chủ trang trại liên doanh liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của trang trại sản xuất.

2.4 Về lao động.

Khuyến khích, tạo mọi điều kiện để các chủ trang trại mở rộng qui mô sản xuất, kinh doanh, tạo thêm việc làm cho người lao động, ưu tiên sử dụng lao động của các hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất, hộ nghèo thiếu việc làm.

2.5 Nâng cao năng lực quản lý cho chủ trang trại.

Mở các lớp đào tạo về quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất, năng lực về tìm kiếm thị trường, marketing cho các chủ trang trại.

2.6 Giải pháp về kỹ thuật.

Mở các lớp tập huấn, huấn luyện, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất thông qua các nguồn, kênh thông tin. Chuyển giao theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp qua thông tin đại chúng. Tổ chức cho các chủ trang trại đi thăm quan học tập các mô hình điển hình tiên tiến, sản xuất có hiệu quả cao để áp dụng vào thực tế sản xuất của hộ gia đình.

Tổ chức tư vấn kỹ thuật về giống cây trồng, các con nuôi chất lượng, có hiệu quả kinh tế cao; phổ biến và hướng dẫn việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nhằm trang bị kiến thức cơ bản cụ thể:

+ Các chủ trang trại tự đánh giá những thành công và hạn chế trong quá trình sản xuất của trang trại để có kế hoạch tổ chức sản xuất trong những vụ tới, năm tới.

+ Nắm vững tiềm năng lợi thế của đất đai từng vùng, từng loại cây con. Tiếp cận nhanh yêu cầu tiêu dùng của thị trường, từng mùa vụ trong năm.

Lựa chọn cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, năng suất cao, có giá trị thu nhập lớn, thân thiện với môi trường; bố trí hợp lý cơ cấu sản xuất ở trang trại.

Xây dựng quy trình sản xuất phù hợp đúng với cơ cấu đã xác định. Tổ chức thực hiện nghiêm túc quy trình KHKT, công nghệ mới vào sản xuất.

- Các chủ trang trại cần tổ chức liên kết giữa các chủ trang trại trong hoặc ngoài xã, trong huyện, cùng có chung sản xuất một loại sản phẩm, như tôm thẻ, tôm sú, thịt lợn, gà thả vườn, bưởi diễm, bưởi quế dương, hồng xiêm, ổi lê đào loan, mật ong,... để có khối lượng hàng hóa lớn, chất lượng cao. Tổ chức thực hiện đúng quy trình cùng loại sản phẩm, thường xuyên tổ chức trao đổi, học hỏi lẫn nhau về kinh nghiệm sản xuất, tạo sự thống nhất trong thực hiện quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra thị trường. Từ kết quả của từng loại sản phẩm, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm có địa chỉ cho từng loại sản phẩm trên thị trường tiêu dùng trong và ngoài huyện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức hội nghị sơ kết về phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện định kỳ 2 năm/lần, làm tốt công tác tuyên truyền cho cán bộ, Đảng viên, và nhân dân về lợi ích của việc dồn đổi ruộng đất phát triển kinh tế trang trại, sản xuất nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất.

2. Phòng Tài chính-Kế hoạch hướng dẫn các thủ tục thanh toán tiền cơ chế hỗ trợ của tỉnh, huyện cho hộ nông dân. Đồng thời, thanh toán kịp thời các nguồn kinh phí khi được hỗ trợ.

3. Phòng Lao động - Thương binh & XH phối hợp với các trường, tổ chức xã hội mở các lớp đào tạo ngắn hạn, trung hạn về công tác quản lý, kỹ thuật sản xuất, tổ chức các lớp chuyên giao kỹ thuật giúp cho các hộ nông dân nắm bắt và thực hiện có hiệu quả.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng phối hợp với các doanh nghiệp hướng dẫn cho nông dân tổ chức sản xuất các mặt hàng đáp ứng nhu cầu của thị trường. Hướng dẫn thành lập các tổ hợp, doanh nghiệp tổ chức thu mua, chế biến các sản phẩm của trang trại nâng cao giá trị thu nhập, giá trị hàng hóa.

5. Phòng Nông nghiệp&PTNT phối hợp với các ngành chức năng tăng cường quản lý nhà nước đối với việc phát triển kinh tế trang trại, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ trang trại thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình với địa phương; tổ chức hội thảo, hội nghị về kinh tế trang trại qua đó rút kết kinh nghiệm các mô hình trang trại tiên tiến để tuyên truyền phổ biến nhân ra diện rộng kịp thời phát hiện và tham mưu các giải pháp điều chỉnh các mặt chưa tốt của kinh tế trang trại.

6. Đài Truyền thanh huyện, Phòng Văn hóa - Thông tin làm tốt công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình hay, mô hình phát triển kinh tế trang trại có hiệu quả để nhiều người biết và làm theo.

IV. Kiến nghị, đề xuất.

Đề nghị Trung ương và tỉnh quan tâm có nguồn vốn hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH, nâng cao thu nhập cho người nông dân góp phần ổn định kinh tế và xã hội./.

Nơi nhận:

- Sở nông nghiệp&PTNT (B/c);
- Thường trực Huyện ủy (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH, Văn hóa-TT, Kinh tế-Hạ tầng, Nông nghiệp&PTNT (t/h);
- MTTQ, Trưởng đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Hội làm vườn và trang trại;
- Đài truyền thanh (đưa tin);
- Lưu: VT, NN.

UBND HUYỆN NGA SON

Lục: BIỂU TỔNG HỢP DANH SÁCH TRANG TRẠI HIỆN CÓ TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2018

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó				Diện tích (ha)	Lao động (người)	Đầu tư (Tr.Đ)	Ghi chú
			Chăn nuôi	Trồng trọt	Thủy sản	Tổng hợp				
1	Nga Thắng	4				4	7,6	14	1220	
2	Nga Điền	14			7	7	21,94	32	666	
3	Nga Thành	103	3		24	76	49,96	260	11038,7	
4	Nga An	28	7	3	1	17	34,93	206	15150	
5	Nga Bạch	16	16				4,5	55	7350	
6	Nga Lĩnh	29	6		2	21	21,44	92	10950	
7	Nga Liên	2				2	0,85	6	670	
8	Nga Nhân	21	3			18	33,35	78	9000	
9	Nga Yên	6	1			5	4,61	15	3800	
10	Nga Thái	7	1			6	9,88	22	5910	
11	Nga Trung	26	7		12	7	13,4	76	11200	
12	Nga Văn	16	1			15	11,46	63	4393	
13	Nga Phú	4	2			2	4,92	15	3400	
14	Nga Trường	17	1			16	15,96	66	5030	
15	Nga Vịnh	4	1			3	8,7	115	2600	
16	Nga Hải	36	3		2	31	14,28	130	6100	
17	Nga Thiện	118	1	1	1	115	90,47	535	20700	
18	Nga Thạch	204	3			201	190,7	652	37624	
19	Nga Tân	173			120	53	357,5	450	39988	
20	Nga Mỹ	8	4		1	3	14,3	28	7500	
21	Nga Giáp	6	1			5	12,95	26	3250	
22	Nga Thủy	49	11		34	4	44,52	102	21900	
23	Nga Thanh	4	2			2	2	8	1300	
24	Nga Hưng	11	2			9	5,6	36	5980	
25	Nga Tiến	78			76	2	54,8	140	8970	
26	Ba Đình	13	1	3		9	25,82	97	6070	
	Tổng cộng:	997	77	7	280	633	1.056,44	3.319	251.759,7	